

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2023/KDTM-PT

Ngày 05/01/2023

V/v “Tranh chấp giữa các thành viên trong
công ty liên quan đến việc góp vốn thành
lập công ty”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Ý

Các Thẩm phán: Ông Phạm Văn Công

Bà Đinh Ngọc Thu Hương

Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thanh Trúc – Thư ký Tòa án nhân dân cấp
cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh
tham gia phiên tòa:*** Ông Hà Văn Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành
phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 50/KDTM-PT
ngày 07 tháng 10 năm 2022 về việc: “Tranh chấp giữa các thành viên trong
công ty liên quan đến việc góp vốn thành lập”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2268/2022/QĐ-PT ngày
22/11/2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Đoàn Trọng T, sinh năm 1947; địa chỉ: Số 71 Đường
N, Phường 2, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị
Kiều Tr, sinh năm 1983; địa chỉ: Số 1B đường T, Phường 8, quận Phú Nhuận,
Thành phố Hồ Chí Minh - Văn bản ủy quyền ngày 19/12/2022 (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Nguyễn
Thái Nguyên - Văn phòng luật sư Nguyễn Thái Nguyên thuộc Đoàn luật sư
Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ: Số 1B Trương Quốc Dung, Phường 8, quận
Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

2. Bị đơn:

2.1. Ông Nguyễn Tiến D, sinh năm 1954; địa chỉ: Số 52 Đường P,
Phường 2, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng (có mặt).

2.2. Ông Phạm Xuân S, sinh năm 1952; địa chỉ: Số 30 Đường P, Phường 2, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn ông D, ông S:

Luật sư Trần Đình Long - Văn phòng luật sư Tuệ Thanh thuộc Đoàn luật sư tỉnh Lâm Đồng; địa chỉ: Số 16 Trần Lê, Phường 4, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng (có mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1951; địa chỉ: Số 71 Đường N, Phường 2, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh (có đơn xét xử vắng mặt).

3.2. Công ty TNHH Dệt tơ tằm V; địa chỉ trụ sở: Số 30A Đường P, Phường 2, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Tiến D; chức vụ: Giám đốc - Công ty TNHH Dệt tơ tằm V; địa chỉ: Số 30A Đường P, Phường 2, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng (có mặt).

Người kháng cáo: Ông Đoàn Trọng T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn ông Đoàn Trọng T ủy quyền cho bà Nguyễn Thị Thu Dung trình bày:

Công ty TNHH Dệt tơ tằm V được Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lâm Đồng cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp vào ngày 09/02/2012. Người đại diện theo pháp luật là ông Nguyễn Tiến D. Thành viên góp vốn gồm: Ông Đoàn Trọng T, ông Phạm Xuân S, ông Nguyễn Tiến D. Vốn điều lệ khi thành lập công ty là 20.000.000.000đ. Trong đó, phần vốn góp của ông T là 8.000.000.000đ; phần vốn góp của ông D là 6.000.000.000đ; phần vốn góp của ông S là 6.000.000.000đ. Toàn bộ số vốn điều lệ 20.000.000.000đ đều là của ông T góp, vốn góp gồm toàn bộ giá trị tài sản đã mua là các thiết bị máy móc, nhà xưởng, công trình xây dựng trên đất và góp tiền mặt để thành lập công ty. Còn ông D, ông S chỉ đứng tên hộ và thể hiện phần vốn góp trên giấy tờ, thực tế ông D, ông S không góp bất cứ số tiền nào.

Cụ thể, số tiền để mua trúng đấu giá là do ông T thanh toán, phần ông D mua trúng đấu giá nhưng tiền là của ông T thanh toán với số tiền 2.217.528.076đ; phần ông T mua trúng đấu giá nhưng ông S có thỏa thuận mua lại 2.002.178.205đ vào ngày 05/02/2012, trong tổng số tiền mua tài sản lần 02 là 4.316.538.000đ. Tổng cộng ông T đã thanh toán tiền mua tài sản là 6.534.066.076đ.

Tại thời điểm thanh toán do ông T không đủ số tiền để thanh toán đối với phần tài sản mua trúng đấu giá có giá trị 2.217.528.076đ nên ông D là người đứng ra ứng toàn bộ số tiền 2.217.528.076đ để thanh toán cho công ty bán đấu giá tài sản. Đến ngày 17/4/2012, ông T đã trực tiếp chuyển tiền vào tài khoản của ông D với số tiền là 2.300.000.000đ để trả lại cho ông D đã ứng trước đó. Việc ông T nhờ ông D đứng ra mua giúp tài sản đấu giá được thể hiện trong hợp

đồng thuê tổng giám đốc ngày 24/12/2011 và do ông D, ông S là Phó tổng giám đốc của Tổng công ty dâu tằm tơ Việt Nam có kinh nghiệm trong quá trình quản lý, điều hành công ty nên sau khi Công ty visentex giải thể ông T là người mua trúng đấu giá tài sản nên đã ký hợp đồng thuê ông D là người đại diện theo pháp luật để thành lập công ty Dệt tơ tằm V và nhờ ông S đứng tên trong phần vốn góp, do đó, ông đã đưa số tiền còn lại theo tỉ lệ góp vốn cho ông S, ông D để nộp vào công ty theo như các giấy chứng nhận vốn góp.

Việc ông D quản lý công ty từ năm 2012 đến nay, hàng năm không báo cáo quyết toán thu, chi, lợi nhuận của công ty mà toàn bộ hoạt động của công ty do ông D thâm tóm và quyết định. Ngày 05/4/2014, Chủ tịch hội đồng thành viên ban hành quyết định cho thôi giữ chức vụ tổng giám đốc của công ty Việt Silk đối với ông D trên cơ sở ông D có đơn xin nghỉ việc. Ngày 27/5/2015, Chủ tịch hội đồng thành viên ban hành quyết định cho thôi giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc của công ty Việt Silk đối với ông S. Sau khi có quyết định của Chủ tịch hội đồng thành viên nhưng ông D, ông S đều không nghỉ việc nên mới có tranh chấp.

Đối với Nghị quyết hội đồng thành viên ngày 16/7/2015 và Nghị quyết họp hội đồng thành viên ngày 04/10/2016 với nội dung cách chức chủ tịch hội đồng thành viên đối với ông T. Đối với quyết định của Tổng Giám đốc ngày 16/7/2015 về việc bãi miễn chức vụ Phó Tổng Giám đốc của ông T. Cả 3 văn bản này là do ông D, ông S tự lập, tự quyết định là không đúng với Điều lệ công ty.

Theo hợp đồng thuê tổng giám đốc ngày 24/12/2011 thì ông T thuê ông D làm tổng giám đốc, đại diện theo pháp luật của công ty, với thời hạn thuê là 05 năm kể từ ngày công ty được cấp giấy phép hoạt động. Lương thỏa thuận 10.000.000 đồng/tháng đối với 6 tháng đầu, từ tháng thứ 6 trở đi trả theo hiệu quả công việc. Việc thanh toán tiền lương được thể hiện thông qua bảng thanh toán lương của công ty. Công ty vẫn hoạt động từ khi thành lập cho đến nay, toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như việc thu chi lợi nhuận của công ty do ông D, ông S làm hết, không thông báo với ông T và cũng không thông qua hội đồng thành viên nên ông T không biết về hoạt động của công ty. Toàn bộ bản gốc liên quan đến việc thành lập, hoạt động của công ty, biên bản họp hội đồng thành viên, các báo cáo hoạt động hiện đang lưu giữ tại công ty, do ông D, ông S quản lý. Trước khi ông ra khỏi công ty ngày 22/7/2015, tài sản công ty không thể chấp, sang nhượng. Từ ngày 22/7/2015 đến nay ông không ở công ty nên không biết về hoạt động của công ty, không biết về việc thế chấp, sang nhượng tài sản của công ty.

Nay nguyên đơn ông T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau:

- Yêu cầu ông Nguyễn Tiến D hoàn trả toàn bộ tài sản mua trúng đấu giá là lô 2 máy móc thiết bị theo biên bản đấu giá tài sản số 02/BB-BĐGTS ngày 18/01/2012 của Công ty cổ phần thương mại dịch vụ và tư vấn Hồng Đức, hợp đồng mua bán tài sản đấu giá công chứng số 0179 ngày 18/01/2012 của Văn

phòng công chứng Minh Tâm; Hủy giấy chuyển nhượng giá trị tài sản để góp vốn thành lập doanh nghiệp ngày 05/02/2012 giữa ông Đoàn Trọng T và ông Phạm Xuân S. Công nhận toàn bộ tài sản là số vốn điều lệ 20.000.000.000đ góp vốn thành lập Công ty TNHH Việt Silk là của ông Đoàn Trọng T.

- Hủy 03 giấy chứng nhận phần vốn góp của ông Nguyễn Tiến D số 03/VS-CN-L1 ngày 10/02/2012; số 03/VS-CN-L2 ngày 06/4/2012; số 03/VS-CN-L3 ngày 31/12/2012. Xóa tên tư cách thành viên, người đại diện theo pháp luật và chức vụ Tổng Giám đốc điều hành công việc hàng ngày của ông Nguyễn Tiến D trong Công ty Việt Silk.

- Hủy 03 giấy chứng nhận phần vốn góp của ông Phạm Xuân S số 02/VS-CN-L1 ngày 10/02/2012; số 02/VS-CN-L2 ngày 13/4/2012; số 02/VS-CN-L3 ngày 10/12/2012. Xóa tên tư cách thành viên của ông Phạm Xuân S trong Công ty Việt Silk.

- Yêu cầu ông Nguyễn Nguyễn Tiến D phải bàn giao Công ty TNHH Dệt tơ tằm V cho ông Đoàn Trọng T quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Đồng thời, giành quyền cho ông Đoàn Trọng T được quyền liên hệ với Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lâm Đồng để sửa đổi, bổ sung giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty TNHH Dệt tơ tằm V theo quy định của pháp luật hiện hành.

- Đối với yêu cầu khởi kiện đòi bồi thường thiệt hại do hành vi trái pháp luật của ông Nguyễn Tiến D gây ra cho công ty và cho ông T trong quá trình điều hành công ty với số tiền 800.000.000đ thì trong quá trình giải quyết vụ án ông T rút lại yêu cầu khởi kiện này, không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện về đòi bồi thường thiệt hại.

Bị đơn ông Nguyễn Tiến D trình bày: Ông không đồng ý đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông T, vì Công ty Việt Silk được thành lập bởi 3 thành viên góp vốn là ông T, ông D, ông S. Ông góp vốn như sau: Phần giá trị mua tài sản cố định trúng đấu giá là 2.217.528.076đ và góp bằng tiền mặt là 3.782.471.924đ (theo các phiếu thu số PT005 ngày 06/4/2012 nộp 82.471.924đ; số PT076 ngày 29/11/2012 nộp 1.500.000.000đ; số PT079 ngày 03/12/2012 nộp 700.000.000đ; số PT090 ngày 29/12/2012 nộp 500.000.000đ; số PT091 ngày 31/12/2012 nộp 1.000.000.000đ), như vậy về phần góp vốn của ông đã hoàn thành vào ngày 31/12/2012, ông đã góp đủ số tiền 6.000.000.000đ (2.217.528.076đ + 3.782.471.924đ = 6.000.000.000đ) và từ khi công ty thành lập cho đến nay, ông vẫn là người điều hành công ty như Điều lệ công ty ngày 01/02/2012.

Đối với số tiền 2.300.000.000đ mà ông T chuyển vào tài khoản cá nhân của ông, số tiền này không liên quan đến số tiền 2.217.528.076đ mà ông bỏ ra mua trúng đấu giá tài sản. Số tiền này ông T nhờ ông rút số tiền 1.000.000.000đ để cho Công ty Việt Silk vay (ông T cho công ty vay và ông D là người đại diện cho công ty đứng ra vay để nhập vào quỹ của công ty, có hợp đồng vay vốn lưu động, đã thanh toán lại cho ông T cả gốc và lãi đối số tiền 1.000.000.000 đồng). Số tiền 1.000.000.000đ ban đầu lấy tên ông T là người cho công ty vay, có thỏa

thuận lãi suất 1,2%/tháng, do ông T là thành viên công ty nhưng lại cho công ty vay, lấy lãi suất cao hơn so với lãi suất huy động tiền gửi ngân hàng nên ông T đã thay đổi từ người cho vay là ông T sang cho vợ của ông T là bà Nguyễn Thị B là người đứng tên cho công ty vay, nhưng ông T là người ký tên trên hợp đồng vay, sau khi chuyển sang tên bà B mới phát sinh phiếu thu tiền giữa công ty và bà B. Sau đó, ông D và ông T thỏa thuận hạ lãi suất bằng tiền gửi của ngân hàng là 1%/tháng, đến ngày 19/11/2012, hai bên tiến hành thanh lý hợp đồng này, văn bản thanh lý do ông T ký tên thay cho bà B); số tiền còn lại 1.300.000.000đ thì là số tiền ông T phải thanh toán cho ông S vì tài sản đứng tên mua là ông T nhưng ông S là người thanh toán. Việc thỏa thuận giữa ông T và ông S về việc mua chung tài sản đấu giá chỉ thỏa thuận với nhau bằng miệng, không lập giấy tờ gì. Do đó, khi ông T nói ông rút 1.300.000.000đ đưa cho ông S thì ông đã rút 1.300.000.000đ để đưa cho ông S.

Đối với hợp đồng thuê tổng giám đốc ngày 24/12/2011, ông T thuê ông làm tổng giám đốc, tại thời điểm năm 2011, do ông T muốn thành lập công ty riêng và vì ông là người có kinh nghiệm trong việc quản lý, điều hành công ty. Quyền và nghĩa vụ của các bên được thể hiện trong hợp đồng thuê tổng giám đốc ngày 24/12/2011. Sau đó, do ông T không thành lập được công ty riêng và không trả lương cho ông D theo đúng nội dung cam kết trong hợp đồng thuê tổng giám đốc nên hợp đồng thuê tổng giám đốc ngày 24/12/2011 không có giá trị pháp lý vì không được thực hiện trên thực tế.

Bị đơn ông Phạm Xuân S trình bày: Ông không đồng ý đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông T, vì Công ty Việt Silk được thành lập bởi 3 thành viên góp vốn là ông T, ông D và ông S. Vốn của ông đã góp: Giá trị mua tài sản cố định trúng đấu giá 2.002.178.205đ và số vốn góp bằng tiền mặt là 3.997.821.795đ (theo các Phiếu thu số PT007 ngày 13/4/2012 nộp 297.821.795đ; số PT066 ngày 10/11/2012 nộp 400.000.000đ; số PT068 ngày 14/11/2012 nộp 500.000.000đ; giấy nộp tiền số GD 50 ngày 10/12/2012 nộp 1.000.000.000đ; số PT077 ngày 30/11/2012 nộp 1.800.000.000đ) về phần góp vốn của ông thì đã hoàn thành vào ngày 10/12/2012 với tổng số vốn góp là 2.002.178.205đ + 3.997.821.795đ = 6.000.000.000đ. Từ khi thành lập đến nay, công ty vẫn hoạt động bình thường. Lợi nhuận hàng năm được thể hiện trong các báo cáo tài chính hàng năm và kết quả kiểm toán. Các tài liệu liên quan đến thành lập doanh nghiệp, hoạt động đang lưu giữ tại công ty. Còn một số tài liệu liên quan đến các nghị quyết, các văn bản của hội đồng thành viên do ông T giữ. Hiện nay, công ty không thể chấp, không chuyển nhượng cho bất cứ ai. Còn việc ông T cho rằng ông S và ông D xin nghỉ việc là không đúng vì trên thực tế ông D, ông S vẫn quản lý, điều hành nguồn vốn góp mà các thành viên đã góp và từ khi công ty thành lập cho đến nay, ông vẫn là người điều hành công ty như Điều lệ công ty ngày 01/02/2012.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị B trình bày:

Ngày 19/4/2012, bà có cho Công ty TNHH Dệt tơ tằm V (do ông Nguyễn Tiến D là Giám đốc công ty) vay 1.000.000.000đ, bằng tiền mặt, hai bên có lập

hợp đồng vay vốn lưu động số 12/VS-TB ngày 19/4/2012 và phiếu thu số PT009 cùng ngày 19/4/2012. Ngày 19/11/2012, hai bên tiến hành thanh lý hợp đồng vay, công ty đã trả lại số tiền gốc, lãi cho bà. Bà xác định bà là người trực tiếp ký tên vào bản hợp đồng vay vốn lưu động và phiếu thu số PT009 cùng ngày 19/4/2012. Số tiền cho vay trên là tiền riêng của bà, không liên quan gì đến số tiền 2.300.000.000đ của chồng bà là ông Đoàn Trọng T chuyển vào tài khoản cá nhân của ông Nguyễn Tiến D. Việc phát sinh tranh chấp giữa ông T và ông D, ông S thì bà không liên quan. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại Bản án kinh doanh thương mại số 04/2022/DS-ST ngày 30 tháng 5 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng quyết định:

- Căn cứ vào Điều 30 và khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Căn cứ điểm c khoản 1, Điều 217, khoản 2, Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Căn cứ Luật Doanh nghiệp năm 2005; Nghị định số 139/2007/NĐ-CP ngày 05/9/2007 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết thi hành một số điều của Luật Doanh nghiệp. Căn cứ các Điều 25; điểm đ, m Điều 56; điểm đ, Điều 60; điểm d, khoản 2, Điều 18 Luật Doanh nghiệp năm 2014; Điều 25 Nghị định số 78/2015/NĐ-CP, ngày 14/9/2015 của Chính phủ quy định chi tiết về hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký doanh nghiệp; đăng ký hộ kinh doanh; quy định về cơ quan đăng ký kinh doanh và quản lý nhà nước về đăng ký doanh nghiệp thi hành Luật Doanh nghiệp 2014.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Đoàn Trọng T về việc khởi kiện ông Nguyễn Tiến D liên quan đến yêu cầu bồi thường thiệt hại số tiền 800.000.000đ do hành vi vượt quá thẩm quyền, không tôn trọng và thực hiện nghị quyết của Hội đồng thành viên, không tuân thủ quy định về tài chính và chi tiêu tài chính trái quy định gây thiệt hại nghiêm trọng đến tài sản hợp pháp của Công ty TNHH Dệt tơ tằm V.

2. Không chấp nhận yêu cầu của ông Đoàn Trọng T về việc buộc ông Nguyễn Tiến D hoàn trả cho ông Đoàn Trọng T toàn bộ tài sản mua trúng đấu giá là lô 2 máy móc thiết bị theo biên bản đấu giá tài sản số 02/BB-BĐGTS ngày 18/01/2012 của Công ty cổ phần thương mại dịch vụ và tư vấn Hồng Đức, hợp đồng mua bán tài sản đấu giá công chứng số 0179 ngày 18/01/2012 của Văn phòng công chứng Minh Tâm; Hủy 03 giấy chứng nhận phần vốn góp số 03/VS-CN-L1 ngày 10/02/2012; số 03/VS-CN-L2 ngày 06/4/2012; số 03/VS-CN-L3 ngày 31/12/2012 của ông Nguyễn Tiến D; Hủy biên bản bàn giao tài sản góp vốn của ông Nguyễn Tiến D ngày 13/02/2012 và xóa tên tư cách thành viên, người đại diện theo pháp luật và chức vụ Tổng Giám đốc của ông Nguyễn Tiến D trong công ty Việt Silk.

Không chấp nhận yêu cầu của ông Đoàn Trọng T về việc hủy giấy chuyển nhượng giá trị tài sản để góp vốn thành lập doanh nghiệp ngày 05/02/2012 giữa ông Đoàn Trọng T và ông Phạm Xuân S; Hủy biên bản bàn giao tài sản góp vốn của ông Phạm Xuân S ngày 06/02/2012; hủy 03 giấy chứng nhận phần vốn góp số 02/VS-CN-L1 ngày 10/02/2012; số 02/VS-CN-L2 ngày 13/4/2012; số 02/VS-CN-L3 ngày 10/12/2012 của ông Phạm Xuân S và xóa tên tư cách thành viên của ông Phạm Xuân S trong công ty Việt Silk.

3. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đoàn Trọng T đối với ông Nguyễn Tiến D, ông Phạm Xuân S về việc buộc ông Nguyễn Tiến D, ông Phạm Xuân S phải bàn giao Công ty TNHH Dệt tơ tầm V cho ông Đoàn Trọng T quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh.

Xác định phần vốn góp của ông Đoàn Trọng T là 8.000.000.000đ tương đương 40% vốn điều lệ; phần vốn góp của ông Nguyễn Tiến D là 6.000.000.000đ tương đương 30% vốn điều lệ; phần vốn góp của ông Phạm Xuân S là 6.000.000.000đ tương đương 30% vốn điều lệ.

Ông Đoàn Trọng T là thành viên góp vốn và giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm Phó tổng giám đốc của Công ty TNHH Dệt tơ tầm V.

Ông Nguyễn Tiến D là thành viên góp vốn và giữ chức vụ Tổng giám đốc và là người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH Dệt tơ tầm V.

Ông Phạm Xuân S là thành viên góp vốn và giữ chức vụ Phó tổng giám đốc của Công ty TNHH Dệt tơ tầm V.

Ông Đoàn Trọng T, ông Nguyễn Tiến D, ông Phạm Xuân S được quản lý, điều hành hoạt động của công ty trong phạm vi quyền hạn theo Điều lệ công ty ngày 01/02/2012.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí, thi hành án và quyền kháng cáo theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 09/6/2022 ông Đoàn Trọng T kháng cáo bản án sơ thẩm cho rằng ông Nguyễn Tiến D và ông Phạm Xuân S được ông T nhờ đứng tên dùm thành viên góp vốn thông qua Hợp đồng thuê tổng giám đốc ngày 24/12/2011, nên ông D nộp hồ sơ mua đấu giá lô máy móc, thiết bị có nộp kèm theo Hợp đồng thuê tổng giám đốc cho Cục thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng; Biên bản bàn giao tài sản ngày 31/01/2012 giữa bên giao là Cục thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng và bên nhận tài sản là ông D và ông T; các phiếu thu, chi, giấy nộp tiền góp vốn vào tài khoản Công ty TNHH Dệt tơ tầm V (gọi tắt là Công ty) và giấy chuyển trả 2,3 tỷ đồng tiền thể hiện ông D mua đấu giá hộ lô máy móc, thiết bị và góp vốn tiền mặt hơn 82.000.000 đồng đứng tên ông D. Do đó, ông T yêu cầu xóa tên tư cách thành viên góp vốn của ông D và ông S, công nhận toàn bộ số tiền góp vốn trên là của ông T. Mặt khác, theo quy định tại Điều 13 Luật doanh nghiệp năm 2005, nay là Điều 18 Luật doanh nghiệp năm 2014 thì ông D và ông S không được quyền thành lập và quản lý doanh nghiệp tại Việt Nam nên việc ông D và ông S đứng tên thành lập Công ty, mỗi người góp vốn 30% vốn điều lệ và quản lý Công ty đã bị vô hiệu ngay từ khi thành lập.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của ông Đoàn Trọng T giữ nguyên đơn kháng cáo; người bảo vệ quyền lợi cho ông T trình bày: Tòa án cấp sơ thẩm bác toàn bộ đơn khởi kiện của ông T là không có căn cứ vì những lý do sau:

Nguồn tiền để thành lập Công ty: Tại thời điểm thành lập Công ty ông D và ông S là Phó tổng giám đốc Tổng công ty dâu tằm tơ Việt Nam; ông T là người đại diện cho Công ty nước ngoài đòi nợ theo Bản án số 02/2017/DS-PT của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng, kèm theo bản cưỡng chế thi hành án của Cục thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng. Do đó, ông D và ông S biết ông T có tiền để thành lập Công ty, nên ông T thống nhất ký hợp đồng thuê ông D làm Tổng giám đốc công ty vào ngày 24/12/2011.

Khi ông D xin nghỉ việc, ông T căn cứ hợp đồng thuê Tổng giám đốc cho ông D nghỉ việc; biên bản làm việc, biên bản bàn giao tài sản trúng đấu giá, đều thể hiện do ông T mua trúng đấu giá, nhưng do tại thời điểm thành lập Công ty ông T tin tưởng ông D và ông S không lập giấy tờ mua tài sản đấu giá; số tiền ông T đưa cho ông D và ông S góp vốn, không có giấy tờ nhưng đã thể hiện qua hợp đồng thuê Tổng giám đốc, ông D đã ký xác nhận. Tại bản giải trình gửi cho PC44, ông S cũng thừa nhận vay tiền của bà Lâm để mua tài sản đấu giá. Thực tế khi thành lập Công ty, ông D và ông S không góp vốn; những chứng từ là lập không, sở dĩ lập không được vì ông D làm Tổng giám đốc công ty, cụ thể: Phiếu thu 820.471.924 đồng, 500 triệu đồng, 1 tỷ đồng; ngoài ra ông T chuyển cho ông D 2,3 tỷ đồng để mua tài sản đấu giá máy móc và góp vốn vào Công ty, nay ông D cho rằng ông T cho Công ty vay 1 tỷ đồng, còn lại 1,3 tỷ trả cho ông S là không phù hợp; số tiền 2,3 tỷ đồng ông T chuyển cho ông D phù hợp với sao kê của Công ty. Ông S có 2 phiếu thu tiền với số tiền 297.821.795 đồng và 400.000.000 đồng là lập không; phiếu thu số tiền 1,8 tỷ đồng và 1 tỷ đồng ông T giao cho ông S nộp vào Công ty. Hợp đồng mua tài sản trúng đấu giá đứng tên ông T nên nhà xưởng là của ông T.

Khi thành lập Công ty, ông D và ông S đang đương chức tại Công ty dâu tằm tơ Việt Nam, là công ty có vốn 100% của nhà nước, theo các văn bản của Bộ Nông nghiệp, các Công ty ở tỉnh Lâm Đồng chỉ có kế hoạch dự kiến cổ phần hóa, thực tế chưa cổ phần hóa nên đã bị vô hiệu ngay từ khi thành lập; hồ sơ kiểm toán không phải là căn cứ xác định góp vốn của ông T 8 tỷ, ông D 6 tỷ, ông S 6 tỷ; ông T không thừa nhận ông D góp vốn mua máy móc, ông S góp vốn mua nhà xưởng vì hợp đồng mua tài sản trúng đấu giá đều do ông T đứng tên. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm, xóa tư cách thành viên Công ty của ông D và ông S; công nhận ông T trả phần góp vốn cho ông D và ông S.

Bị đơn ông D trình bày: Theo Biên bản họp Hội đồng thành viên ngày 30/5/2005, yêu cầu ông D phải vận chuyển máy móc mua đấu giá để trả mặt bằng cho Công ty; điều đó chứng tỏ ông T đã thừa nhận máy móc của ông D, nên người bảo vệ quyền lợi cho ông T cho rằng ông D không góp vốn phần máy móc là không phù hợp.

Bị đơn ông S trình bày: Theo Biên bản bàn giao tài sản ngày 06/02/2012 ba bên đều thừa nhận tài sản nhà xưởng, máy móc là do ông T, ông D và ông S góp vốn; khi góp vốn tiền mặt giao có sổ nhận tiền, sau đó cấp giấy chứng nhận góp vốn cho từng thành viên, không ai có ý kiến thắc mắc, nay ông T cho rằng ông S không góp vốn là không phù hợp.

Người bảo vệ quyền lợi cho ông D và ông S trình bày: Người bảo vệ quyền lợi cho ông T căn cứ vào hợp đồng thuê Tổng giám đốc để cho rằng ông D và ông S là người đứng tên dùm ông T để góp vốn, thành lập Công ty là không phù hợp bởi hợp đồng thuê Tổng giám đốc là dự kiến của ông T khi ông T thành lập Công ty, nhưng ông T không tự thành lập được. Theo bảng lương của Công ty, lương của ông T, ông D, ông S và toàn bộ nhân viên là do Công ty trả, không phải do ông T trả nên không có việc ông T thuê ông D làm giám đốc Công ty. Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của ông T cũng xác nhận tại thời điểm ký kết hợp đồng mua tài sản đấu giá, ông T không có tiền nên ngày 17/4/2012 ông T mới chuyển tiền cho ông D. Trong quá trình giải quyết vụ án, ông S xác nhận đã nhận 1,3 tỷ đồng của ông D chuyển trả nợ của ông S vay dùm cho ông T trước đó. Nếu ông T đủ điều kiện để thành lập Công ty thì tự mình thành lập Công ty, ông T lại đưa tiền cho ông D và ông S góp vốn, thành lập Công ty là không phù hợp. Trong quá trình giải quyết vụ án, ông T là người yêu cầu kiểm toán độc lập, khi có kết quả ông T không có ý kiến, thắc mắc; theo kết quả kiểm toán ông T góp vốn 8 tỷ, ông D 6 tỷ và ông S 6 tỷ là phù hợp nên ông T kháng cáo cho rằng số tiền ông T góp vốn toàn bộ, thành lập Công ty là không có cơ sở. Đối với số tiền 2,3 tỷ đồng ông T chuyển cho ông D ngày 17/4/2012, thì ngày 19/4/2012 ông T ký hợp đồng cho Công ty vay 1 tỷ đồng, còn lại 1,3 tỷ đồng, ông D chuyển trả cho ông S, do trước đó ông S vay tiền cho ông T, nếu hai bên có tranh chấp sẽ giải quyết bằng một vụ án khác như cấp sơ thẩm nhận định là có căn cứ. Theo tài liệu có trong hồ sơ, các đơn vị kinh tế trực thuộc Tổng công ty dầu tầm tơ Việt Nam, đã cổ phần hóa từ năm 2005 nên Tổng công ty dầu tầm tơ Việt Nam không còn vốn 100% của nhà nước, việc ông D và ông S góp vốn thành lập Công ty không bị vô hiệu. Đề nghị bác đơn kháng cáo của ông T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người bảo vệ quyền lợi cho ông T trình bày: Lương hàng tháng của ông D do ông T trả, nếu ông D cho rằng ông T chưa trả thì được quyền đòi; ông T vẫn thuê ông D làm Tổng giám đốc; đề nghị giải quyết vụ án khách quan, đúng pháp luật.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh: Về tố tụng, những người tiến hành tố tụng, các đương sự tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung kháng cáo, người bảo vệ quyền lợi cho ông T trình bày nội dung kháng cáo, nhưng nội dung này đã được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét; tại cấp phúc thẩm ông T là người kháng cáo không cung cấp được tài liệu, chứng cứ mới để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo; đề nghị bác đơn kháng cáo của ông T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Tòa án nhận định:

Đơn kháng cáo của ông Đoàn Trọng T đúng theo quy định của pháp luật nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[1]. Theo đơn khởi kiện của ông Đoàn Trọng T, Tòa án cấp sơ thẩm xác định đây là quan hệ kinh doanh thương mại về: “Tranh chấp giữa các thành viên trong Công ty liên quan đến việc góp vốn thành lập công ty” là đúng quan hệ tranh chấp; vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về nội dung kháng cáo của ông Đoàn Trọng T:

[2.1]. Công ty TNHH Dệt tơ tầm V (gọi tắt là Công ty) được Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lâm Đồng cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5801087139 lần đầu ngày 09/02/2012; đăng ký thay đổi lần thứ nhất ngày 05/6/2012; với số vốn điều lệ 20.000.000.000 đồng gồm các thành viên góp vốn như sau: Ông Đoàn Trọng T góp 8.000.000.000 đồng; ông Phạm Xuân S góp 6.000.000.000 đồng; ông Nguyễn Tiến D góp 6.000.000.000 đồng. Người đại diện theo pháp luật của Công ty là ông Nguyễn Tiến D - Chức vụ giám đốc; ông Đoàn Trọng T - Chủ tịch Hội đồng thành viên; ông Phạm Xuân S - Thành viên góp vốn (BL: 57).

[2.2]. Ông T cho rằng ông D đứng tên thành viên góp vốn của Công ty là đứng tên hộ cho ông T; để chứng minh cho lời trình bày, ông T cung cấp Hợp đồng thuê tổng giám đốc Công ty TNHH, lập ngày 24/12/2011 được Văn Phòng Luật sư Mạnh Trường Xuân xác nhận đã thể hiện: *Ông T thuê ông D làm Giám đốc Công ty TNHH hai thành viên trở lên, với mức lương tạm tính 6 tháng đầu là 10.000.000 đồng/tháng, từ tháng thứ 6 trở đi trả lương theo hiệu quả công việc; bên ông T chuyển tiền cho ông D đứng tên đấu giá mua phần tài sản máy móc, thiết bị theo Thông báo số 27/TB-CTHA ngày 22/12/2011 của Cục THADS tỉnh Lâm Đồng; số tiền chuyển vào tài khoản của ông D 2.000.000.000 đồng thuộc sở hữu chủ của ông T. Ông T ủy quyền cho ông D đứng tên phần tài sản ghi trong điều lệ Công ty, làm thủ tục đăng ký kinh doanh, tham gia HĐTV của Công ty với chức danh Tổng giám đốc... (BL: 38).*

[2.3]. Quá trình thực hiện Hợp đồng thuê tổng giám đốc Công ty: Theo Hợp đồng thì ...*Ông D làm Giám đốc Công ty, với mức lương tạm tính 6 tháng đầu là 10.000.000 đồng/tháng, từ tháng thứ 6 trở đi trả lương theo hiệu quả công việc*; theo tài liệu Tòa án cấp sơ thẩm thu thập tại Bảng lương và phê duyệt của Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty áp dụng từ tháng 4/2012, Công ty trả lương cho ông T – Chức danh Chủ tịch Hội đồng thành viên 8.500.000 đồng/tháng, ông D – Chức danh Tổng giám đốc Công ty 8.000.000 đồng/tháng và ông S – Chức danh Phó tổng giám đốc Công ty 7.500.000 đồng/tháng (BL:

873, 876, 877); như vậy, có căn cứ xác định lương hàng tháng của ông T, ông D và ông S do Công ty trả, số tiền lương ông D nhận hàng tháng cũng không phù hợp với Hợp đồng thuê Tổng giám đốc Công ty. Mặt khác, theo Biên bản đấu giá tài sản (lô 2 máy móc thiết bị các loại) và Hợp đồng mua bán tài sản đấu giá cùng lập ngày 18/01/2012 thì ông D trúng đấu giá tài sản, trị giá 2.217.528.076 đồng của Công ty Cổ phần thương mại dịch vụ và tư vấn Hồng Đức (gọi tắt là Công ty Hồng Đức), do Cục thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng ủy quyền bán đấu giá; trong đó tại Điều 3 của Hợp đồng ghi thời hạn và phương thức thanh toán tiền mua tài sản “*Ngay sau khi trúng đấu giá nộp số tiền 219.752.808 đồng, tương đương 10% giá khởi điểm, số tiền còn lại thanh toán trong hạn 30 ngày, kể từ ngày bán đấu giá, người trúng đấu giá không thanh toán đủ tiền mua tài sản thì hội đồng bán đấu giá Công ty Hồng Đức hủy Hợp đồng mua bán tài sản bán đấu giá, người trúng đấu giá phải chịu mất tiền đặt trước; bồi thường các thiệt hại xảy ra và chịu các chi phí cho việc tổ chức bán đấu giá.*” (BL: 4005). Như vậy, theo quy định trên thì trong thời hạn 30 ngày, người trúng đấu giá không thanh toán đủ tiền mua tài sản thì hủy Hợp đồng và người trúng đấu giá phải chịu mất tiền đặt trước; bồi thường các thiệt hại xảy ra và chịu các chi phí cho việc tổ chức bán đấu giá; tại phiên tòa, người đại diện của ông T cũng xác nhận đến hết 30 ngày (18/01/2012 - 18/02/2012) trúng đấu giá, ông T không chuyển hay giao tiền cho ông D thực hiện Hợp đồng mua bán tài sản đấu giá. Vì vậy, đối chiếu với Hợp đồng thuê tổng giám đốc có nội dung “*...bên ông T cũng không chuyển vào tài khoản của ông D 2.000.000.000 đồng để ông D đứng tên đấu giá mua phần tài sản máy móc, thiết bị theo Thông báo số 27/TB-CTHA ngày 22/12/2011 của Cục THADS tỉnh Lâm Đồng*”. Thực hiện Hợp đồng mua bán tài sản đấu giá ngày 18/01/2012, ông D đã thanh toán cho Công ty Hồng Đức số tiền nộp ngày 16/01/2012 là 110.000.000 đồng (PT ngày 16/01/2012), ngày 18/01/2012 thanh toán 220.000.000 đồng (PT ngày 18/01/2012), ngày 20/01/2012 thanh toán 1.887.528.076 đồng (ủy nhiệm chi ngày 20/01/2012) và ngày 31/01/2012 Cục thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng và Công ty Hồng Đức lập Biên bản bàn giao tài sản cho ông D (BL: 15 đến 32); phù hợp với Biên bản bàn giao tài sản máy móc ông D mua đấu giá, góp vốn vào Công ty có xác nhận của ông T, ông S (BL: 13, 14). Hơn nữa, theo tài liệu phiếu thu, giấy nộp tiền, sổ tiền mặt năm 2012 và kết quả kiểm toán của Công ty TNHH kiểm toán tư vấn Độc Lập về số tiền góp vốn của chủ sở hữu cho kỳ kế toán từ ngày 09/02/2012 đến ngày 31/3/2019 thể hiện: Ông D góp vốn lần 1 ngày 10/02/2012 số tiền 2.217.528.076 đồng (góp vốn bằng tài sản máy móc thiết bị); góp vốn lần 2 ngày 06/4/2012 số tiền 82.471.924 đồng theo phiếu thu số PT005; góp vốn lần 3 PT076 ngày 29/11/2012 số tiền 1.500.000.000 đồng, PT079 ngày 03/12/2012 số tiền 700.000.000 đồng, PT 090 ngày 29/12/2012 số tiền 500.000.000 đồng, PT091 ngày 31/12/2012 số tiền 1.000.000.000 đồng; tổng cộng ông D góp vốn là 6.000.000.000 đồng (BL: 623 đến 630); nay ông T cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh “*Ông T đã giao, chuyển tiền hoặc ủy quyền cho ông D đứng tên phần tài sản ghi trong điều lệ Công ty*”. Từ những căn cứ trên, Tòa án cấp sơ thẩm xác định ông D góp vốn 6.000.000.000 đồng là có căn cứ, ông T cho rằng ông D chỉ là người đứng tên góp vốn dùm cho ông T là

không có cơ sở nên người bảo vệ quyền lợi cho ông T đề nghị không công nhận phần giá trị vốn góp 2.217.528.076 đồng hợp đồng mua máy móc, thiết bị của ông D là không phù hợp.

[2.4]. Tại phiên tòa, người đại diện của ông T cho rằng ngày 17/4/2012 ông T chuyển vào tài khoản cá nhân của ông D 2.300.000.000 đồng để nhờ ông D đấu giá mua tài sản lô máy móc các loại. Xét thấy số tiền 2.300.000.000 đồng ông T chuyển vào tài khoản cá nhân ông D sau khi ông D trúng đấu giá và đã thanh toán Hợp đồng gần 3 tháng nên trình bày nêu trên là không có căn cứ. Nay ông D chứng minh số tiền 2.300.000.000 đồng ông T chuyển vào tài khoản của ông D, nhờ ông D rút ra cho Công ty vay 1.000.000.000 đồng, thể hiện tại hợp đồng vay vốn ngày 19/4/2012 ông T cho Công ty vay 1.000.000.000 đồng (BL: 369 – Trang 65). Số tiền còn lại 1.300.000.000 đồng ông T nhờ trả cho ông S vì trước đây ông T có mượn 1.300.000.000 đồng của ông S để mua tài sản đấu giá; do không có tài liệu thể hiện ông T nhờ ông D góp vốn dùm cho ông T, nên Tòa án cấp sơ thẩm đã dành quyền khởi kiện cho ông T, nếu có tranh chấp số tiền 1.300.000.000 đồng thì giải quyết bằng một vụ án khác là phù hợp.

[2.5]. Theo Hợp đồng mua tài sản đấu giá là nhà xưởng tại số 11 Quang Trung, Phường 2, thành phố B lập ngày 18/01/2012, thì ông T là người trúng đấu giá tài sản của Cục thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng, trị giá là 4.356.538.000 đồng (BL: 49 đến 51). Theo Phiếu thanh toán tài sản mua trúng đấu giá ngày 18/01/2012 và thanh toán tiền mua tài sản đấu giá dứt điểm vào ngày 03/02/2012, biên bản bàn giao tài sản ngày 07/02/2012 đều do ông S ký tên, theo giấy nộp tiền ngày 01/02/2012 ông S nộp 2.010.538.000 đồng và ngày 03/02/2012 ông S nộp 825.000.000 đồng; phù hợp với Biên bản thỏa thuận ngày 05/02/2012, ông T chuyển nhượng cho ông S nhà xưởng, trị giá tương ứng với số tiền 2.002.178.205 đồng (BL: 601); phù hợp với Biên bản bàn giao tài sản nhà xưởng ông S góp vốn vào Công ty có xác nhận của ông T, ông D ngày 06/02/2012 (BL: 13, 14); góp vốn lần 2 ngày 13/4/2012 số tiền 297.821.795 đồng theo phiếu thu số PT007; góp vốn lần 3 ngày 10/12/2012 tổng số tiền 3.700.000.000 đồng, gồm các phiếu thu số PT066 ngày 10/11/2012 số tiền 400.000.000 đồng, PT068 ngày 14/11/2012 số tiền 500.000.000 đồng, PT077 ngày 30/11/2012 số tiền 1.800.000.000 đồng, giấy nộp tiền ngày 10/12/2012 số tiền 1.000.000.000 đồng; tổng cộng ông S góp vốn là 6.000.000.000 đồng (BL: 602 đến 609). Nay ông T cũng không cung cấp được tài liệu để chứng minh ông T nhờ ông S đứng tên góp vốn, đứng tên thành viên Công ty.

[2.6]. Ông T góp vốn lần 1 ngày 10/02/2012 số tiền 2.354.359.795 đồng (góp vốn bằng tài sản nhà xưởng); góp vốn lần 2 số tiền 645.640.205 đồng theo phiếu thu số PT001 ngày 17/02/2012; góp vốn lần 3 ngày 08/12/2012 số tiền 5.000.000.000 đồng, gồm các phiếu thu số PT069 ngày 19/11/2012 số tiền 1.000.000.000 đồng, PT073 ngày 24/11/2012 số tiền 2.000.000.000 đồng, giấy nộp tiền số GD 4 ngày 05/12/2012 số tiền 1.800.000.000 đồng, giấy nộp tiền số GD 12 ngày 08/12/2012 số tiền 200.000.000 đồng; tổng cộng ông T góp vốn là 8.000.000.000 đồng (BL: 644 đến 649). Hơn nữa, tại Biên bản họp Hội đồng thành viên của Công ty ngày 07/10/2014, ông T yêu cầu rút vốn góp khỏi Công

ty là 8 tỷ vốn góp + tiền lãi + thời gian kinh doanh (BL: 678), nên có căn cứ thể hiện ông T vốn góp vào Công ty 8.000.000.000 đồng; phù hợp với kết quả kiểm toán ông T góp vốn 8 tỷ, ông D góp vốn 6 tỷ, ông S góp vốn 6 tỷ đồng (BL: 1192 đến 1197). Do đó, ông T kháng cáo cho rằng đến nay ông D, ông S chưa góp vốn là chưa có cơ sở. Tại phiên tòa người bảo vệ quyền lợi cho ông T căn cứ Giấy chuyển tiền ngày 24/5/2012 của ông T chuyển cho Công ty 2.000.000.000 đồng thông qua Ngân hàng ACB, để cho rằng vốn góp của ông T là 10.000.000.000 đồng là chưa phù hợp, vì Giấy chuyển tiền của ông T không thể hiện nội dung, không phù hợp với giấy chứng nhận vốn góp và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp xác định vốn góp của thành viên Công ty. Do vậy, nếu ông T có tranh chấp số tiền này với Công ty sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[2.7]. Ông T kháng cáo cho rằng theo quy định tại Điều 13 Luật doanh nghiệp năm 2005, nay là Điều 18 Luật doanh nghiệp năm 2014, ông D và ông S đứng tên thành lập Công ty, mỗi người góp 30% vốn điều lệ và quản lý Công ty là vi phạm pháp luật, đã vô hiệu ngay từ khi thành lập thì thấy: Theo điểm d khoản 2 Điều 13 của Luật Doanh nghiệp năm 2005 quy định *“Cán bộ lãnh đạo, quản lý nghiệp vụ trong các doanh nghiệp 100% vốn sở hữu nhà nước không có quyền thành lập và quản lý doanh nghiệp tại Việt Nam”*. Tuy nhiên, theo Quyết định số 115/QĐ-TTg ngày 27/5/2005 của Thủ tướng Chính phủ, có rất nhiều đơn vị kinh tế trong cả nước là đơn vị thành viên của Tổng Công ty dầu tầm tơ Việt Nam phải được Cổ phần hóa, riêng tại tỉnh Lâm Đồng có 2 đơn vị thành viên phải Cổ phần hóa là Công ty sản xuất và kinh doanh xuất nhập khẩu dầu tầm tơ thành Công ty Cổ phần ngày 28/6/2005, Công ty dệt may lụa tơ tầm 2-9 thành Công ty Cổ phần ngày 24/7/2006,...(BL: 5004 đến 5014) nên Tòa án cấp sơ thẩm xác định Tổng Công ty dầu tầm tơ Việt Nam tại thời điểm năm 2012 không còn là Doanh nghiệp có 100% vốn nhà nước, là có căn cứ. Hơn nữa, theo Quyết định số 11/QĐ-DTT-TCCB ngày 14/5/2012 của Tổng Công ty dầu tầm tơ Việt Nam thì ông D - Chức vụ Phó tổng giám đốc, thôi việc từ ngày 22/5/2012; Quyết định số 17/QĐ-DTT ngày 01/12/2011 của Tổng Công ty dầu tầm tơ Việt Nam thì ông S - Chức vụ Phó tổng giám đốc, nghỉ việc để hưởng chế độ hưu trí từ ngày 01/3/2012 (BL: 5017, 5018). Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5801087139 thì Công ty đăng ký thay đổi lần thứ nhất ngày 05/6/2012; tại thời điểm này, ông D và ông S đã nghỉ việc tại Tổng Công ty dầu tầm tơ Việt Nam. Các thành viên Công ty gồm ông T, ông D, ông S thực hiện góp vốn xong ngày 31/12/2012, lúc này ông D và ông S không còn làm việc tại Tổng Công ty dầu tầm tơ Việt Nam. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xác định ông D và ông S góp vốn thành lập Công ty không ảnh hưởng đến quyền lợi của Tổng Công ty dầu tầm tơ Việt Nam, việc góp vốn thành lập Công ty không làm ảnh hưởng đến quyền lợi của ông T; Công ty đã hoạt động và kinh doanh từ ngày thành lập ngày 09/02/2012 đến ngày 27/4/2016 mới xảy ra tranh chấp là trên 4 năm. Nay người bảo vệ quyền lợi cho ông T yêu cầu tuyên bố việc ông D và ông S đứng tên thành lập, góp vốn mỗi người 30% vốn điều lệ Công ty đã bị vô hiệu ngay từ khi thành lập là không có cơ sở.

[3]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật. Về chức danh của ông T, ông S và ông D tại Công ty, mặc dù không có tranh chấp nhưng Tòa án cấp sơ thẩm vẫn giải quyết trong phần quyết định là không phù hợp nên cần chỉnh sửa lại về cách tuyên đối với phần này.

[4]. Từ những phân tích và nhận định nêu trên, ông T là người kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu chứng cứ mới để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình; lời trình bày của người bảo vệ quyền lợi cho ông T yêu cầu xóa tên ông D và ông S là thành viên Công ty, ông T trả phần góp vốn có cơ sở cho ông D và ông S là không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận; Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận; bác đơn kháng cáo của ông T, giữ y bản án sơ thẩm. Ông T thuộc trường hợp người cao tuổi nên được miễn án phí sơ thẩm và án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

I. Không chấp nhận đơn kháng cáo của ông Đoàn Trọng T; giữ y Bản án kinh doanh thương mại số 04/2022/DS-ST ngày 30 tháng 5 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng như sau:

- Căn cứ khoản 4 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 13 Luật Doanh nghiệp năm 2005; Nghị định số 139/2007/NĐ-CP ngày 05/9/2007 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết thi hành một số điều của Luật Doanh nghiệp. Căn cứ Điều 25; Điều 35; khoản 1, khoản 2 Điều 48; điểm d, khoản 2, Điều 18 Luật Doanh nghiệp năm 2014; Điều 25 Nghị định số 78/2015/NĐ-CP, ngày 14/9/2015 của Chính phủ quy định chi tiết về hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký doanh nghiệp; đăng ký hộ kinh doanh; quy định về cơ quan đăng ký kinh doanh và quản lý nhà nước về đăng ký doanh nghiệp thi hành Luật Doanh nghiệp 2014.

- Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Đoàn Trọng T về việc khởi kiện ông Nguyễn Tiến D liên quan đến yêu cầu bồi thường thiệt hại số tiền 800.000.000đ do hành vi vượt quá thẩm quyền, không tôn trọng và thực hiện nghị quyết của Hội đồng thành viên, không tuân thủ quy định về tài chính và chi tiêu tài chính trái quy định gây thiệt hại nghiêm trọng đến tài sản hợp pháp của Công ty TNHH Dệt tơ tằm V.

2. Không chấp nhận yêu cầu của ông Đoàn Trọng T về việc:

- Buộc ông Nguyễn Tiến D hoàn trả cho ông Đoàn Trọng T toàn bộ tài sản mua trúng đấu giá là lô 2 máy móc thiết bị theo biên bản đấu giá tài sản số 02/BB-BĐGTS ngày 18/01/2012 của Công ty cổ phần thương mại dịch vụ và tư vấn Hồng Đức, hợp đồng mua bán tài sản đấu giá công chứng số 0179 ngày 18/01/2012 của Văn phòng công chứng Minh Tâm;

- Hủy 03 giấy chứng nhận phần vốn góp số 03/VS-CN-L1 ngày 10/02/2012; số 03/VS-CN-L2 ngày 06/4/2012; số 03/VS-CN-L3 ngày 31/12/2012 của ông Nguyễn Tiến D;

- Hủy biên bản bàn giao tài sản góp vốn của ông Nguyễn Tiến D ngày 13/02/2012 và xóa tên tư cách thành viên, người đại diện theo pháp luật và chức vụ Tổng Giám đốc của ông Nguyễn Tiến D trong Công ty Việt Silk.

3. Không chấp nhận yêu cầu của ông Đoàn Trọng T về việc:

- Hủy giấy chuyển nhượng giá trị tài sản để góp vốn thành lập doanh nghiệp ngày 05/02/2012 giữa ông Đoàn Trọng T và ông Phạm Xuân S;

- Hủy biên bản bàn giao tài sản góp vốn của ông Phạm Xuân S ngày 06/02/2012;

- Hủy 03 giấy chứng nhận phần vốn góp số 02/VS-CN-L1 ngày 10/02/2012, số 02/VS-CN-L2 ngày 13/4/2012, số 02/VS-CN-L3 ngày 10/12/2012 của ông Phạm Xuân S và xóa tên tư cách thành viên của ông Phạm Xuân S trong Công ty Việt Silk.

4. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đoàn Trọng T đối với ông Nguyễn Tiến D, ông Phạm Xuân S về việc buộc ông Nguyễn Tiến D, ông Phạm Xuân S phải bàn giao Công ty TNHH Dệt tơ tầm V cho ông Đoàn Trọng T quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh.

Xác định phần vốn góp của ông Đoàn Trọng T là 8.000.000.000đ tương đương 40% vốn điều lệ; phần vốn góp của ông Nguyễn Tiến D là 6.000.000.000đ tương đương 30% vốn điều lệ; phần vốn góp của ông Phạm Xuân S là 6.000.000.000đ tương đương 30% vốn điều lệ.

5. Về chi phí tố tụng:

Buộc ông Đoàn Trọng T phải chịu số tiền 350.000.000đ chi phí cho việc kiểm toán, ông T đã nộp đủ và được quyết toán xong.

6. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Ông Đoàn Trọng T được miễn. Hoàn trả cho ông T số tiền 12.000.000đ tạm ứng đã nộp theo Biên lai thu số 0008847 ngày 28/02/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b

và Điều 9 Luật thi hành án dân sự năm 2008 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

II. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Đoàn Trọng T được miễn. Hoàn trả cho ông T số tiền 2.000.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0010081 ngày 12/7/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng.

III. Bản án có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TANDTC;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- Cục THADS tỉnh Lâm Đồng;
- Đương sự;
- Lưu VP (6), HS (1) PTHH.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Đặng Văn Ý

